

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 10/8/2020



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
linhntm@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
46/GP-XBBT ngày 20/8/2019

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	17
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	21
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	25
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	29
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	32
TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	36

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

➤ Cao su: Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cao su tại thị trường châu Á có xu hướng tăng so với tháng 7/2020 do được hỗ trợ bởi các thông tin kinh tế tích cực từ Hoa Kỳ, Trung Quốc và thị trường kỳ vọng chính phủ Nhật Bản tăng cường kích thích kinh tế.

➤ Cà phê: Giá cà phê toàn cầu trong 10 ngày đầu tháng 8/2020 biến động theo xu hướng tăng. Tuy nhiên, mức tăng giá cà phê đã chậm lại so với tháng 7/2020 trong bối cảnh cung - cầu không có nhiều biến động, Bra-xin bước vào giai đoạn cuối vụ thu hoạch kỷ lục.

➤ Hạt tiêu: Đầu tháng 8/2020, giá hạt tiêu tại In-đô-nê-xi-a giảm; ổn định tại Ma-lai-xi-a và Trung Quốc; tăng tại Ấn Độ và Việt Nam.

➤ Rau quả: Trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu trái cây của Băng-la-đét tăng, đặc biệt là nhập khẩu cam, quýt và táo. EU cho phép nhập khẩu xoài từ Cô-lôm-bi-a mà không cần kiểm dịch.

➤ Sắn và sản phẩm từ sắn: Giá sắn lát xuất khẩu của Thái Lan đầu tháng 8/2020

tăng so với cuối tháng 7/2020, giá tinh bột sắn ổn định.

➤ Thủy sản: Theo khảo sát của Undercurrent News, người tiêu dùng Trung Quốc sẽ giảm tiêu thụ thủy sản sau hàng loạt tin tức tiêu cực về virus corona liên quan đến thủy sản nhập khẩu. Doanh số bán lẻ hải sản của Anh trong 12 tháng kể từ tháng 6/2019 tăng 5% về lượng và tăng 4,6% về trị giá so với 12 tháng trước đó do xu hướng tiêu dùng thay đổi dưới tác động của dịch Covid-19. Trong đó, tiêu thụ cá tra tăng mạnh. Giá tôm của Ấn Độ được dự báo giảm khoảng 0,5 USD/kg đối với tất cả các cỡ tôm trong các tuần đầu tháng 8/2020, nhưng vẫn cao hơn so với giá tôm của Ê-cu-a-đo.

➤ Gỗ và sản phẩm gỗ: Sản phẩm gỗ và đồ nội thất tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất của Hoa Kỳ trong tháng 7/2020. Ngành công nghiệp nội thất của Bra-xin đang chịu tác động tiêu cực do dịch Covid-19 gây ra.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

➤ Cao su: Đầu tháng 8/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước có xu hướng tăng theo giá thị trường thế giới. Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su Latex, SVR 20 sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh. 6 tháng đầu năm 2020, thị phần cao su tự nhiên của Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng, thị phần của Việt Nam giảm mạnh.

➤ Cà phê: Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cà phê trong nước tăng do lo ngại dịch Covid-19 tái bùng phát, khiến nguồn cung gián đoạn. 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê Arabica tăng 26% về lượng và tăng 44,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020 ổn định so với cùng kỳ năm 2019, ở mức 11,6%.

➤ Hạt tiêu: Ngày 10/8/2020, giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước tăng từ 2,1 – 4,4% so với ngày 30/7/2020. Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu tháng 7/2020 đạt 20 nghìn tấn, trị giá 49 triệu USD, tiếp tục giảm so với

cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Pháp tăng mạnh, đưa thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

➤ Rau quả: Ước tính xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2020 giảm 1,8% so tháng 7/2019. Thị phần quả dứa Việt Nam (mã HS 080111) trong tổng nhập khẩu của Thái Lan tăng.

➤ Sản và sản phẩm từ sản: Xuất khẩu sản lát sang thị trường Trung Quốc tăng do nhu cầu cho ngành thức ăn chăn nuôi và sản xuất cồn tăng cao khi giá ngô tăng mạnh. Nhu cầu tinh bột sản của Trung Quốc ở mức thấp.

➤ Thủy sản: Tháng 6/2020, xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

➤ Gỗ và sản phẩm gỗ: Thị phần đồ nội thất bằng gỗ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm. Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong nửa đầu năm 2020 tăng mạnh.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cao su tại thị trường châu Á có xu hướng tăng so với tháng 7/2020 do được hỗ trợ bởi các thông tin kinh tế tích cực từ Hoa Kỳ, Trung Quốc và thị trường kỳ vọng chính phủ Nhật Bản tăng cường kích thích kinh tế.
- ▶ Đầu tháng 8/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước có xu hướng tăng theo giá thị trường thế giới.
- ▶ Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su Latex, SVR 20 sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh.
- ▶ 6 tháng đầu năm 2020, thị phần cao su tự nhiên của Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng, thị phần của Việt Nam giảm mạnh.



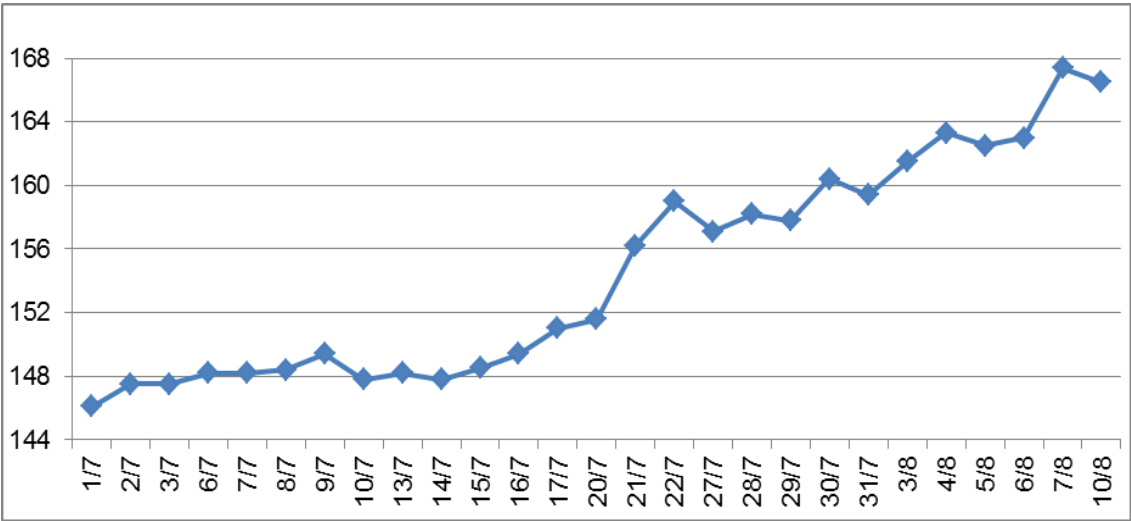
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cao su tại thị trường châu Á có xu hướng tăng so với tháng 7/2020, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange

(OSE), ngày 08/8/2020, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 9/2020 giao dịch ở mức 166,5 Yên/kg (tương đương 1,57 USD/kg), tăng 4,5% so với ngày 31/7/2020.

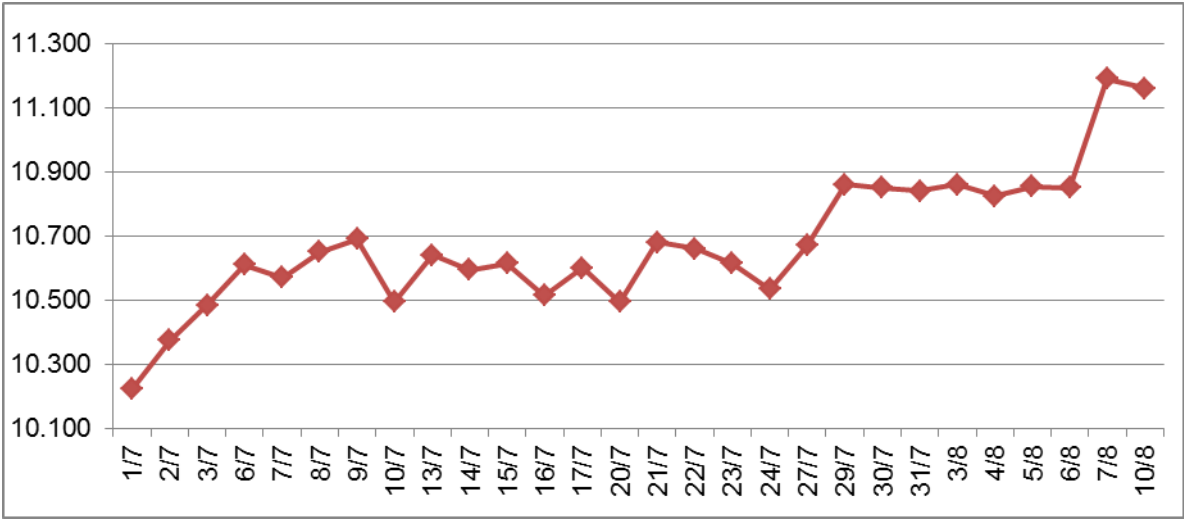
Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2020 tại sàn OSE trong tháng 8/2020
(ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), ngày 10/8/2020 giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2020 giao dịch ở mức 11.160 NDT/tấn (tương đương 1,6 USD/kg), tăng 3% so với ngày 31/7/2020.

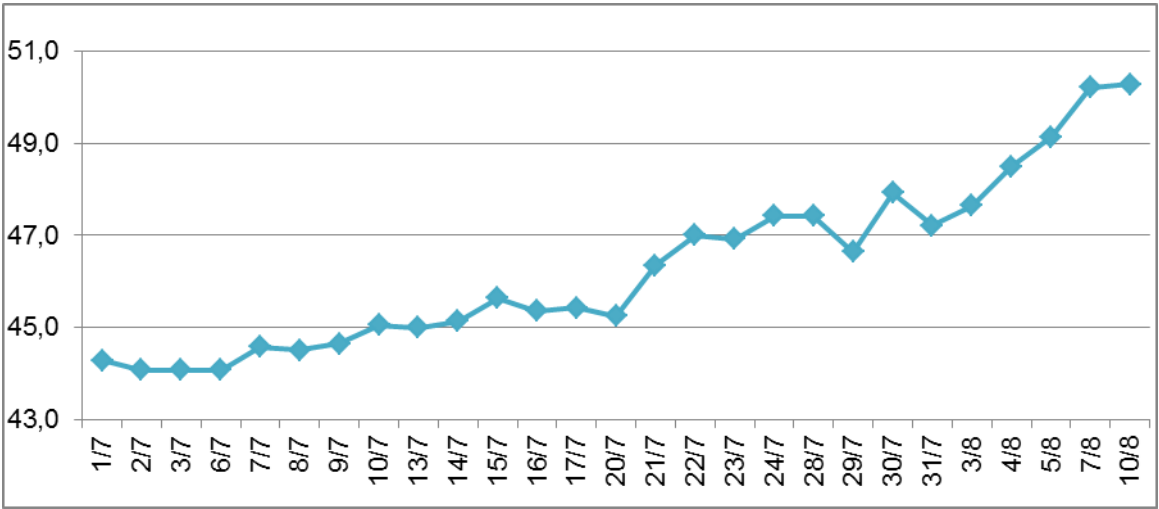
Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 9/2020 tại sàn SHFE trong tháng 8/2020
(ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 10/8/2020, giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 50,3 Baht/kg (tương đương 1,61 USD/kg), tăng 6,3% so với ngày 31/7/2020.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 8/2020
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Giá cao su trong 10 ngày đầu tháng 8/2020 tăng do được hỗ trợ bởi các thông tin kinh tế tích cực từ Hoa Kỳ, Trung Quốc và thị trường kỳ vọng chính phủ Nhật Bản tăng cường kích thích kinh tế. Mưa lớn tại nhiều bang trồng cao su của Ấn Độ khiến hoạt động khai thác

mủ gián đoạn cũng là yếu tố hỗ trợ giá cao su.

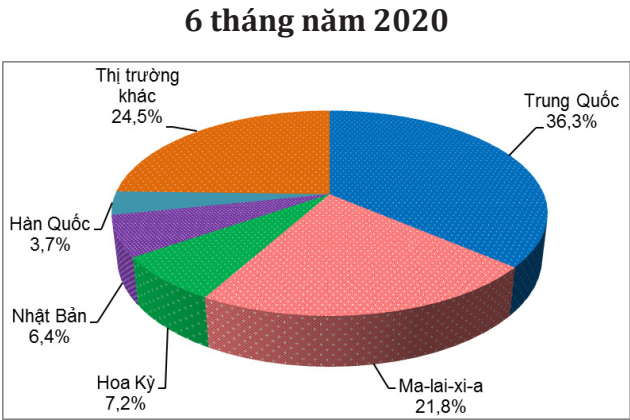
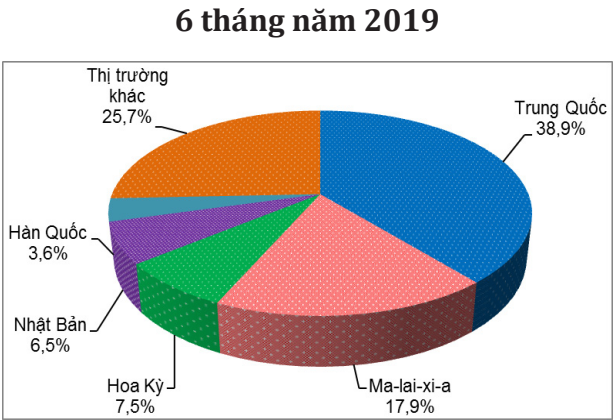
Kinh tế Trung Quốc tiếp tục phục hồi khi chỉ số các nhà quản trị mua hàng (PMI) của nước này trong tháng 7/2020 đạt 51,1 điểm. Kinh tế Hoa Kỳ cũng có dấu hiệu hồi phục trong tháng 7/2020. Viện Quản lý nguồn cung Hoa Kỳ

(ISM) cho biết khoảng 72% doanh nghiệp báo cáo có tăng trưởng trong tháng 7/2020.

- Thái Lan: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su (mã HS: 4001; 4002; 4003; 4005) của Thái Lan đạt 2,39 triệu tấn, trị giá 99,56 tỷ Baht (tương đương 3,21 tỷ USD), giảm 3% về lượng và giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 60,4% trong tổng lượng cao su xuất khẩu của Thái Lan trong 6 tháng đầu năm 2020, đạt 1,45 triệu tấn, trị giá 59,96 tỷ Baht (tương đương với 1,93 tỷ USD), tăng 10,2% về lượng và tăng 7,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

(Tỷ giá: 1 Baht = 0,03227 USD)

Cơ cấu 5 thị trường xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan
(Tỷ trọng tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan

Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su tổng hợp (mã HS 4002) của Thái Lan đạt 994,27 nghìn tấn, trị giá 43,26 tỷ Baht (tương đương 1,41 tỷ USD), tăng 27,1% về lượng và tăng 24,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, 92,9% lượng cao su tổng hợp xuất khẩu của Thái Lan là xuất khẩu sang Trung Quốc, đạt 923,67 nghìn tấn, trị

giá 39,99 tỷ Baht (tương đương 1,29 tỷ USD), tăng 48,7% về lượng và tăng 46,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Dự báo: Giá cao su trên thị trường trong ngắn hạn khó giữ xu hướng tăng mạnh do giá dầu thế giới ở mức thấp do diễn biến khó lường của dịch Covid-19, giá cao su sẽ biến động trong biên độ hẹp.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đầu tháng 8/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước có xu hướng tăng theo giá thị trường thế giới. Ngày 09/8/2020, giá thu mua mủ nước của Công ty TNHH MTV Cao su Phú

Riềng ở mức 260 đồng/TSC, tăng 5 đồng/TSC so với cuối tháng 7/2020; giá thu mua mủ tạp ở mức 228 đồng/TSC, tăng 6 đồng/TSC so với cuối tháng 7/2020.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 339,31 nghìn tấn, trị giá 435,11 triệu USD, giảm 12,1% về lượng và giảm 16,7% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 1.282 USD/tấn, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, 85,4% tổng lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc là cao su hỗn hợp của cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (Mã HS 400280), đạt 289,84 nghìn tấn, trị giá 378,2 triệu USD, tăng 1,6% về lượng,

nhưng giảm 2,3% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 1.305 USD/tấn, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Mặc dù xuất khẩu cao su sang Trung Quốc giảm trong 6 tháng đầu năm 2020, nhưng một số chủng loại cao su xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn đạt được sự tăng trưởng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đáng chú ý như: Latex tăng 42,5% về lượng và tăng 31% về trị giá; SVR 20 tăng 297,7% về lượng và tăng 275,8% về trị giá.

Chủng loại cao su của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	6 tháng năm 2020			So với 6 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Giá TB	Trị giá
Cao su hỗn hợp của cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS 400280)	289.840	1.305	378.206	1,6	-3,9	-2,3
Latex	27.250	932	25.399	42,5	-8,1	31
SVR 3L	5.271	1.460	7.694	-75,7	0,1	-75,7
SVR 10	4.534	1.314	5.956	-89	-5,6	-89,6
SVR CV60	3.226	1.563	5.041	-8,3	1,6	-6,8
SVR 20	2.565	1.294	3.319	297,7	-5,5	275,8
RSS3	2.094	1.528	3.200	-68,6	5,4	-66,9
Cao su tái sinh	1.822	823	1.500	-12,7	62,4	41,7
SVR 5	1.038	1.491	1.548	14,4	-4,5	9,3
Cao su hỗn hợp (Mã HS 4005)	829	2.311	1.916	-87,9	42,6	-82,7
Cao su tổng hợp	27	3.134	85	-59,7	83	-26,3
SVR CV50	8	1.609	13	-65,2	2,3	-64,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan





DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU TRUNG QUỐC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 4,68 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc tăng nhập khẩu cao su từ thị trường Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ả Rập Xê Út, Ấn Độ và Ba Lan; trong khi giảm nhập khẩu từ Ma-lai-xi-a,

Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a...

Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020, đạt 509,94 triệu USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ mức 11,4% trong 6 tháng đầu năm 2019, xuống còn 10,9% trong 6 tháng đầu năm 2020.

Thị trường cung cấp cao su cho Trung Quốc trong tháng 6 và 6 tháng năm 2020

Thị trường	Tháng 6/2020 (nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng (%)	
					6 tháng năm 2019	6 tháng năm 2020
Tổng	722.084	-4,7	4.684.264	-4,9	100	100
Thái Lan	287.456	21	2.010.556	8,7	37,6	42,9
Việt Nam	75.575	20,8	509.940	-9	11,4	10,9
Ma-lai-xi-a	79.035	-7,1	504.755	-2,2	10,5	10,8
Nhật Bản	40.722	-21,3	254.108	-16,6	6,2	5,4
Hàn Quốc	51.874	19,7	241.615	-17	5,9	5,2
In-đô-nê-xi-a	33.863	2,4	181.916	-11,3	4,2	3,9
Nga	17.369	-10,2	143.207	-2,8	3	3,1
Hoa Kỳ	27.405	1,3	134.840	-18,9	3,4	2,9
Ả Rập Xê Út	14.880	-22,5	95.595	13,6	1,7	2
Xin-ga-po	13.313	-32,3	84.372	-28,3	2,4	1,8
Thị trường khác	80.592	-49,2	523.361	-23,6	13,9	11,2

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về chủng loại nhập khẩu

Trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Trung Quốc

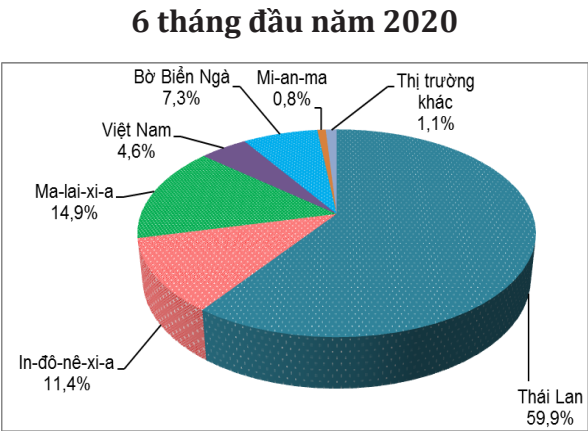
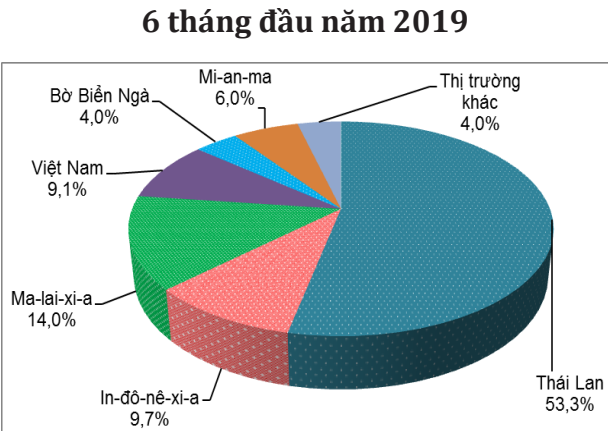
đạt 1,15 tỷ USD, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc giảm nhập khẩu cao su tự nhiên từ

thị trường Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Mi-an-ma...; trong khi tăng nhập khẩu từ Bồ Biển Ngà, Hoa Kỳ, Gha-na, Xri Lan-ca....

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ

4 cho Trung Quốc, đạt 53,05 triệu USD, giảm 59,6% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su tự nhiên Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ mức 9,1% trong 6 tháng đầu năm 2019, xuống còn 4,6% trong 6 tháng đầu năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS 4001) cho Trung Quốc
(Tỷ trọng tính theo trị giá)



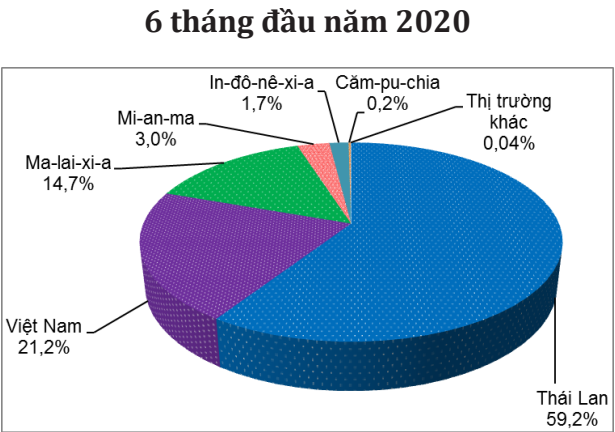
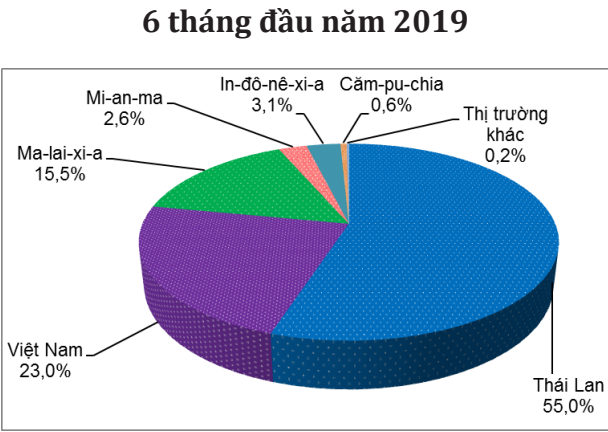
Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su hỗn hợp từ cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS 400280) của Trung Quốc đạt 2,13 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2019. Thái Lan, Việt Nam và Ma-lai-xi-a là 3 thị trường cung cấp chủng loại cao su này lớn nhất cho Trung Quốc.

là thị trường cung cấp cao su hỗn hợp (mã HS 400280) lớn thứ 2 cho Trung Quốc, đạt 451,26 triệu USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần chủng loại cao su này của Việt Nam chiếm 21,2% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020, giảm so với mức 23% của 6 tháng đầu năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Việt Nam

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su hỗn hợp từ cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS 400280) cho Trung Quốc
(Tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

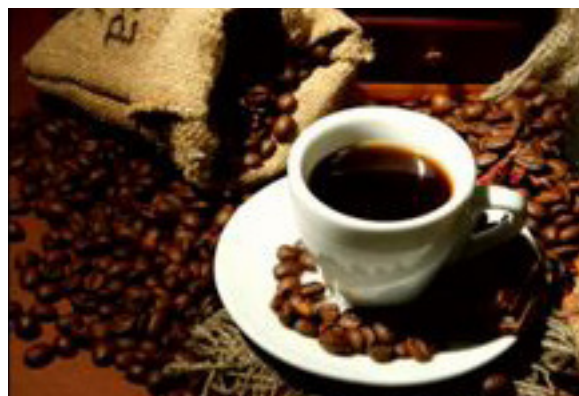
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Giá cà phê toàn cầu trong 10 ngày đầu tháng 8/2020 biến động theo xu hướng tăng. Tuy nhiên, mức tăng giá cà phê đã chậm lại so với tháng 7/2020 trong bối cảnh cung - cầu không có nhiều biến động, Bra-xin bước vào giai đoạn cuối vụ thu hoạch kỷ lục.
- ▶ Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cà phê trong nước tăng do lo ngại dịch Covid-19 tái bùng phát, khiến nguồn cung gián đoạn.
- ▶ 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê Arabica tăng 26% về lượng và tăng 44,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020 ổn định so với cùng kỳ năm 2019, ở mức 11,6%.

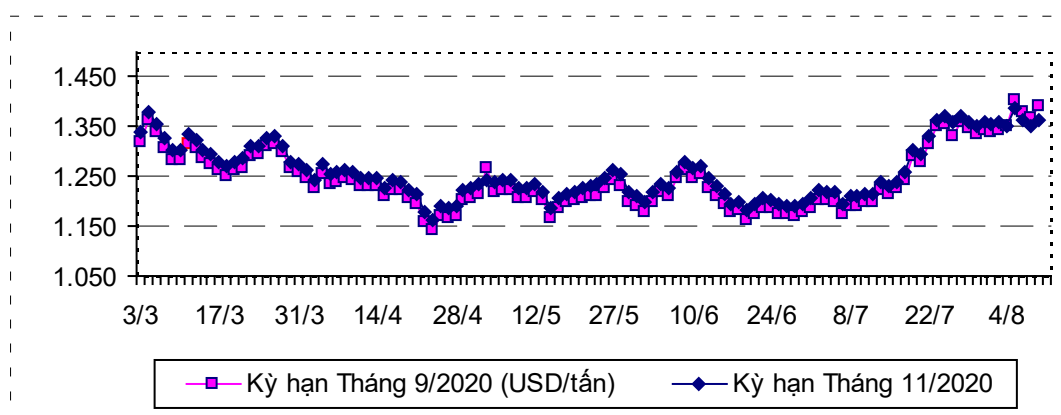
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cà phê toàn cầu biến động theo xu hướng tăng.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 10/8/2020 giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 9/2020 và tháng 11/2020 tăng lần lượt 3,6% và 0,4% so với ngày 30/7/2020, lên mức 1.393 USD/tấn và 1.363 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 1/2021 và tháng 3/2021 cùng tăng 0,1% so với ngày 30/7/2020, lên mức 1.373 USD/tấn và 1.387 USD/tấn.



Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn từ tháng 3/2020 đến nay

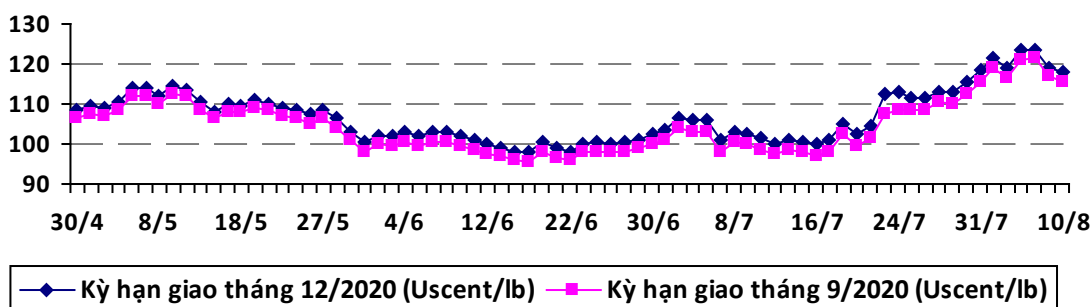


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 10/8/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2020 và tháng 12/2020 tăng lần lượt 2,7% và 2,1% so với ngày 30/7/2020, lên

mức 115,45 Uscent/lb và 117,9 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 3/2021 và tháng 5/2021 tăng lần lượt 2,6% và 3,1% so với ngày 30/7/2020, lên mức 120,1 Uscent/lb và 121,15 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 4/2020 đến nay



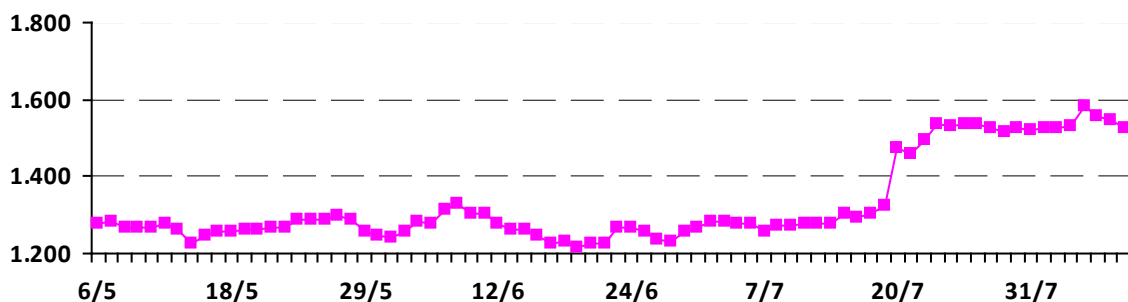
Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, giá cà phê giao kỳ hạn biến động không đồng nhất. Ngày 10/8/2020, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2020 và tháng 3/2021 tăng lần lượt 1% và 4% so với ngày 30/7/2020, lên mức 119,79 Uscent/lb và 131,25 Uscent/lb; trong khi giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng

12/2020 giảm 1,1% so với ngày 30/7/2020, xuống còn 122,2 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức 1.528 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn (tương đương tăng 0,3%) so với ngày 30/7/2020.

Diễn biến giá cà phê Robusta xuất khẩu tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đầu tháng 5/2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: <https://giacaphe.com>



Mức tăng giá cà phê toàn cầu trong 10 ngày đầu tháng 8/2020 đã chậm lại so với tháng 7/2020 trong bối cảnh cung - cầu không có nhiều biến động, Bra-xin đã bước vào giai đoạn cuối vụ thu hoạch kỷ lục. Theo ước tính, Bra-xin đã thu hoạch 84% sản lượng vụ mùa mới, đạt khoảng 57,45 triệu bao trong tổng sản lượng dự kiến 68,1 triệu bao.

TRONG NƯỚC: GIÁ TĂNG DO LO NGẠI NGUỒN CUNG GIÁN ĐOẠN

Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, giá cà phê trong nước tăng do lo ngại dịch Covid-19 tái bùng phát khiến nguồn cung gián đoạn. Ngày 10/8/2020, giá cà phê trong nước tăng từ 0,3 – 0,9% so với ngày 30/7/2020, trong đó mức tăng cao nhất 0,9% tại tỉnh Lâm Đồng

và huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông, lên mức 32.200 - 32.600 đồng/kg.

Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta loại R1 tăng 0,6% so với ngày 30/7/2020, lên mức 34.100 đồng/kg.

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 10/8/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/7/2020 (%)
Tỉnh Lâm Đồng		
Lâm Hà (Robusta)	32.300	0,9
Bảo Lộc (Robusta)	32.300	0,9
Di Linh (Robusta)	32.200	0,9
Tỉnh Đắk Lắk		
Cư M'gar (Robusta)	32.800	0,3
Ea H'leo (Robusta)	32.600	0,3
Buôn Hồ (Robusta)	32.600	0,0
Tỉnh Gia Lai		
Pleiku (Robusta)	32.600	0,6
Chư Prông (Robusta)	32.500	0,6
Ia Grai (Robusta)	32.600	0,6
Tỉnh Đắk Nông		
Gia Nghĩa (Robusta)	32.500	0,3
Đắk R'lấp (Robusta)	32.600	0,9
Tỉnh Kon Tum		
Đắk Hà (Robusta)	32.500	0,6
Thành phố Hồ Chí Minh		
R1	34.100	0,6

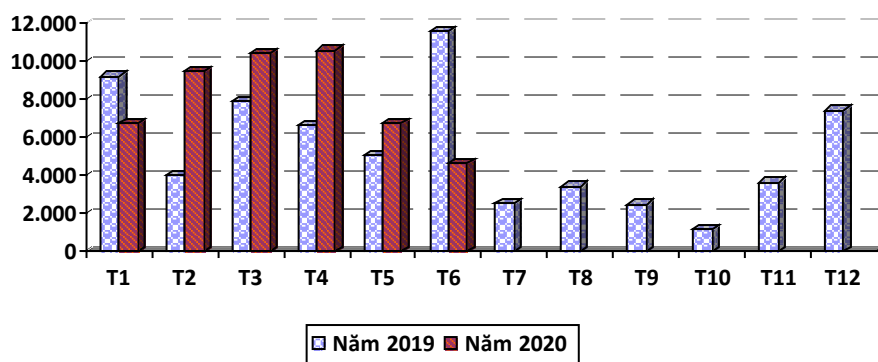
Nguồn: Tintaynnguyen.com

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ ARABICA THÁNG 6/2020 GIẢM MẠNH SAU KHI LIÊN TỤC TĂNG TRONG 4 THÁNG TRƯỚC ĐÓ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Arabica trong tháng 6/2020 giảm 19,3% về lượng và giảm 5,1% về trị giá so với tháng 6/2019. Tuy nhiên, tính

chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê Arabica tăng 26% về lượng và tăng 44,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 48,6 nghìn tấn, trị giá 113 triệu USD.

Lượng cà phê Arabica xuất khẩu qua các tháng năm 2019 - 2020
(ĐVT: tấn)

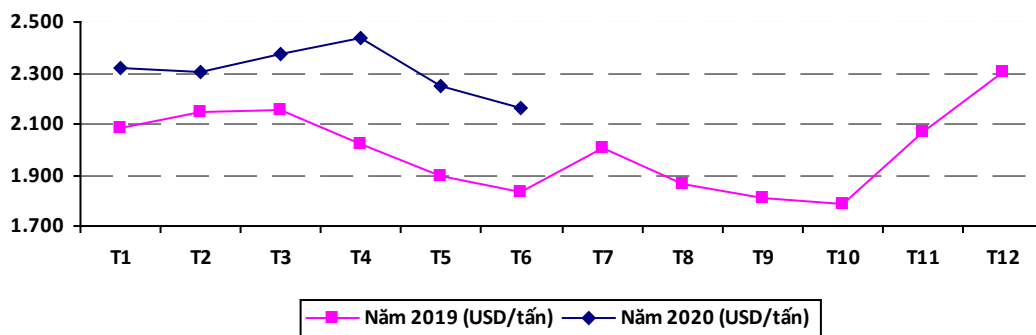


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Arabica tháng 6/2020 đạt mức 2.159 USD/tấn, giảm 3,9% so với tháng 5/2020, nhưng tăng 17,5% so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu

năm 2020, giá xuất khẩu cà phê Arabica đạt mức 2.423 USD/tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Diễn biến giá xuất khẩu cà phê Arabica bình quân năm 2019 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê Arabica sang các thị trường chính đều tăng mạnh, như: Hoa Kỳ tăng 8,3%, lên 2.423 USD/tấn; Bỉ tăng 15,5%, lên mức 2.203 USD/tấn; Đức tăng 24,7%, lên mức 2.169 USD/tấn; Ai - Len tăng 35,2%, lên mức 2.704

USD/tấn.

Xuất khẩu cà phê Arabica trong 6 tháng đầu năm 2020 sang các thị trường chính tăng gồm: Hoa Kỳ, Bỉ, Nhật Bản, Ai-Len. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Arabica sang Đức giảm.

5 thị trường xuất khẩu cà phê Arabica lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	6 tháng đầu năm 2020			So với cùng kỳ năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Hoa Kỳ	17.028	41.261	2.423	52,5	65,1	8,3
Bỉ	10.495	23.118	2.203	65,2	90,9	15,5
Đức	4.982	10.803	2.169	-17,3	3,1	24,7
Nhật Bản	3.101	7.107	2.292	58,6	61,3	1,7
Ai - len	2.515	6.802	2.704	3.175,0	4.328,1	35,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ HOA KỲ TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 666,9 nghìn tấn, trị giá 2,46 tỷ USD, giảm 9,2% về lượng và giảm 0,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê Arabica hoặc Robusta chưa rang, chưa khử caffeine (HS 090111), đạt 583,7 nghìn tấn, trị giá 1,84 tỷ USD, giảm 10,3% về lượng và giảm 4,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Hoa Kỳ 5 tháng đầu năm 2020

Mã HS	5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2020	5 tháng năm 2019
090111	583.729	1.839.074	-10,3	-4,5	87,5	88,6
090112	43.877	150.170	4,8	5,8	6,6	5,7
090121	36.770	433.733	-5,3	16,9	5,5	5,3
090122	2.468	32.718	-22,7	4,2	0,4	0,4
090190	48	234	-54,8	-47,4	0,0	0,0

Nguồn: ITC

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 3.683 USD/tấn, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 5,4%, lên mức 1.926 USD/tấn.

Thị trường cung cấp cà phê cho Hoa Kỳ 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	5 tháng năm 2020			So với 5 tháng đầu năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NK BQ
Tổng	666.891	2.455.925	3.683	-9,2	-0,6	9,5
Bra-xin	189.471	469.216	2.476	0,6	4,4	3,8

Thị trường	5 tháng năm 2020			So với 5 tháng đầu năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Cô-lôm-bi-a	119.685	453.396	3.788	-18,5	-9,8	10,6
Việt Nam	77.039	148.347	1.926	-10,0	-5,1	5,4
Goa-tê-ma-la	40.123	172.109	4.289	-6,2	4,7	11,7
Hon-đu-rát	43.660	143.123	3.278	-7,0	9,6	17,9
Ni-ca-ra-go-a	41.381	143.763	3.474	1,6	6,4	4,7
Mê-hi-cô	25.015	88.849	3.552	-22,4	-15,0	9,5
In-đô-nê-xi-a	24.882	115.816	4.655	1,7	-7,4	-9,0
Cốt-xta Ri-ca	16.168	83.055	5.137	0,1	7,2	7,1
Ca-na-đa	16.654	150.441	9.033	-17,8	-6,2	14,1
Thị trường khác	72.811	487.810	6.700	-19,4	5,0	30,4

Nguồn: ITC

5 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê từ Bra-xin, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam.

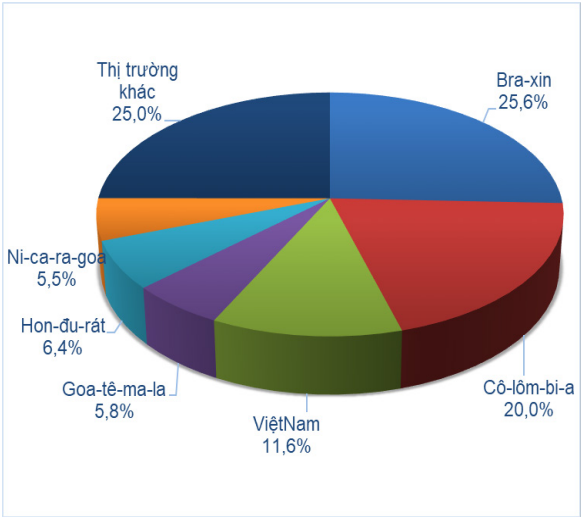
Theo ITC, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ từ Bra-xin trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 189,5 nghìn tấn, trị giá 469,21 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và tăng 4,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cà phê Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 28,4% trong 5 tháng đầu năm 2020, cao hơn so với

25,6% thị phần trong 5 tháng đầu năm 2019.

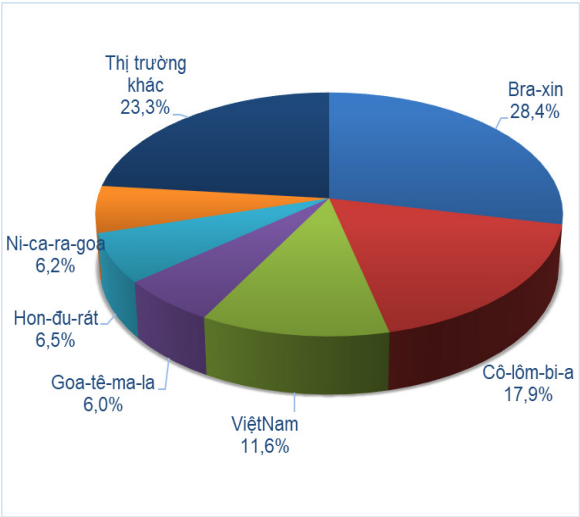
Ngược lại, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2020 giảm 10% về lượng và giảm 5,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 77 nghìn tấn, trị giá 148,24 triệu USD. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 11,6% trong 5 tháng đầu năm 2020, không đổi so với cùng kỳ năm 2019.

Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Hoa Kỳ (% tính theo lượng)

5 tháng đầu năm 2019



5 tháng đầu năm 2020



Nguồn: ITC

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Đầu tháng 8/2020, giá hạt tiêu tại In-đô-nê-xi-a giảm; ổn định tại Ma-lai-xi-a và Trung Quốc; tăng tại Ấn Độ và Việt Nam.
- ▶ Ngày 10/8/2020, giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước tăng từ 2,1 – 4,4% so với ngày 30/7/2020.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu tháng 7/2020 đạt 20 nghìn tấn, trị giá 49 triệu USD, tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2019.
- ▶ Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Đầu tháng 8/2020, giá hạt tiêu trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất, giảm tại In-đô-nê-xi-a, ổn định tại Ma-lai-xi-a và Trung Quốc, tăng tại Ấn Độ và Việt Nam.

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 10/8/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu giao dịch ở mức 3.800 USD/tấn, ổn định so với ngày 30/7/2020; hạt tiêu trắng ổn định ở mức 5.000 USD/tấn.

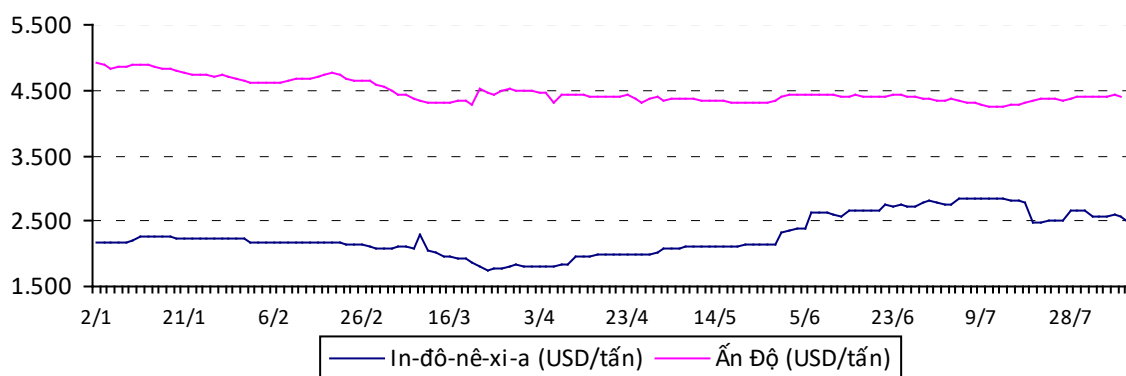
+ Tại cảng Hà Khẩu, Trung Quốc, ngày 7/8/2020 giá hạt tiêu trắng xuất khẩu ổn định

so với ngày 30/7/2020, giao dịch ở mức 4.285 USD/tấn.

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 10/8/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 6,5% so với ngày 30/7/2020, xuống còn 2.482 USD/tấn. Ngược lại, giá xuất khẩu hạt tiêu trắng tại cảng Muntok tăng 2,2% so với ngày 30/7/2020, lên mức 4.114 USD/tấn.

+ Tại cảng Kochi (Ấn Độ), ngày 7/8/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 0,4% so với ngày 30/7/2020, lên mức 4.416 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ từ đầu năm 2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)

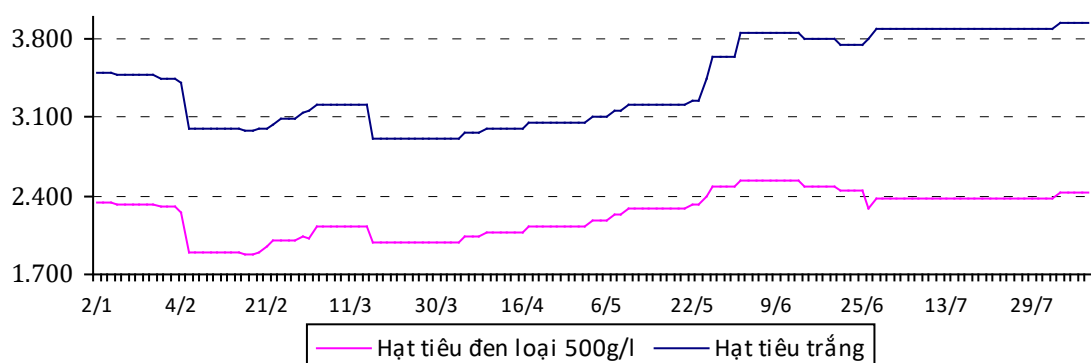


Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 10/8/2020, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu tăng lần lượt 2,1% và 2% so với ngày 30/7/2020, lên

mức 2.430 USD/tấn và 2.511 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 1,3% so với ngày 30/7/2020, lên mức 3.950 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

Hiện In-đô-nê-xi-a đã bước vào vụ thu hoạch hạt tiêu, nhưng sản lượng dự báo giảm do thời tiết không thuận lợi. Thông tin sản lượng hạt tiêu của In-đô-nê-xi-a giảm sẽ hỗ

trợ giá hạt tiêu trong thời gian tới. Tuy nhiên, xu hướng tăng giá sẽ không mạnh do nhu cầu tiêu thụ vẫn chịu tác động từ dịch Covid-19.

TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU BIẾN ĐỘNG KHÔNG ĐỒNG NHẤT

Ngày 10/8/2020, giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước tăng từ 2,1 – 4,4% so với ngày 30/7/2020. Mức tăng cao nhất 4,4% tại huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai và tỉnh Đồng Nai, lên mức 47.000 đồng/kg; mức tăng thấp nhất là 2,1% tại tỉnh Bình Phước và Bà Rịa – Vũng Tàu, lên mức 48.000 – 49.500 đồng/kg. Giá hạt tiêu trắng ở mức 66.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg (tương đương tăng 1,5%) so với cuối



tháng 7/2020, nhưng vẫn thấp hơn so với mức 69.000 đồng/kg cùng kỳ năm 2019.

Giá hạt tiêu tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 10/8/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/7/2020 (%)
Đắk Lắk		
Ea H'leo	48.500	3,2
Gia Lai		
Chư Sê	47.000	4,4
Đắk Nông		
Gia Nghĩa	48.500	3,2
Bà Rịa - Vũng Tàu	49.500	2,1
Bình Phước	48.000	2,1
Đồng Nai	47.000	4,4

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU HẠT TIÊU THÁNG 7/2020 GIẢM

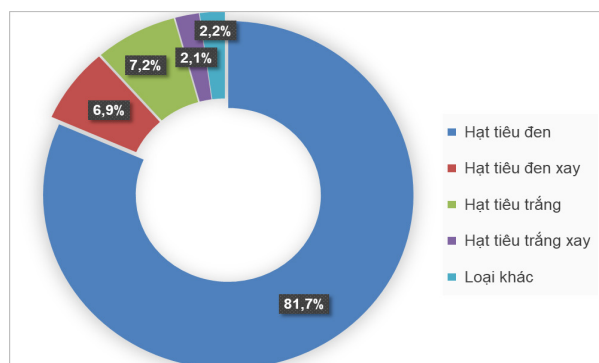
Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu tháng 7/2020 đạt 20 nghìn tấn, trị giá 49 triệu USD, giảm 2,2% về lượng nhưng tăng 3,9% về trị giá so với tháng 6/2020, so với tháng 7/2019 giảm 13% về lượng và giảm 16,3% về trị giá. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đạt 187 nghìn tấn, trị giá 405 triệu USD, giảm 6,5% về lượng và giảm 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu tháng 7/2020 ước đạt 2.450 USD/tấn, tăng 6,2% so với tháng 6/2020, nhưng giảm 3,8% về trị giá so với tháng 7/2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu ước đạt 2.168 USD/tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu đen trong tháng 6/2020 đạt 14,8 nghìn tấn, trị giá 31,31 triệu USD, giảm 40,5% về lượng và giảm 45,5% về trị giá so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen đạt 133,5 nghìn tấn, trị giá 259,6 triệu USD, giảm 7,6% về lượng và giảm 24,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hạt tiêu đen sang nhiều thị trường chính giảm, như: Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-kít-xtan, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất. Ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu đen sang Hoa Kỳ, Ai Cập, Phi-líp-pin tăng.

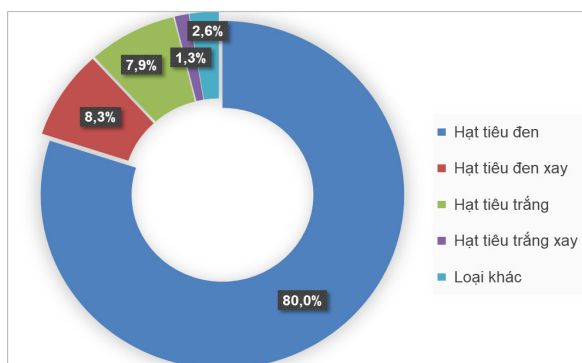
Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu

(% tính theo lượng)

6 tháng đầu năm 2019



6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU PHÁP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Eurostat, nhập khẩu hạt tiêu của Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 5.281 tấn, trị giá 18,07 triệu EUR (tương đương 21,38 triệu USD), tăng 2,7% về lượng, nhưng giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá nhập khẩu hạt tiêu của Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 4.048 USD/tấn, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Pháp từ Việt Nam, Đức, In-đô-nê-xi-a giảm, nhưng tăng từ Bra-xin và Hà Lan.



Thị trường cung cấp hạt tiêu cho Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020

(Mã HS: 090411; 090412)

Thị trường	5 tháng năm 2020				So với cùng kỳ năm 2019		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EUR)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Tổng	5.281	18.071	21.378	4.048	2,7	-3,2	-5,8
Việt Nam	1.432	3.719	4.400	3.072	166,7	119,0	-17,9
Bra-xin	1.417	3.459	4.092	2.888	-19,5	-14,9	5,7
Đức	972	4.607	5.450	5.610	29,7	10,4	-14,8
In-đô-nê-xi-a	573	1.841	2.178	3.802	-8,4	-14,1	-6,2
Hà Lan	210	787	931	4.443	-67,2	-62,2	15,3
Thị trường khác	678	3.658	4.327	6.383	-18,6	-19,0	-0,5

Nguồn: Eurostat

(*) Ghi chú: 1 EUR = 1,18301 USD

5 tháng đầu năm 2020, Việt Nam và Bra-xin là 2 nguồn cung hạt tiêu lớn nhất cho thị trường Pháp. Trong đó, Pháp tăng nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam, nhưng giảm nhập khẩu từ Bra-xin.

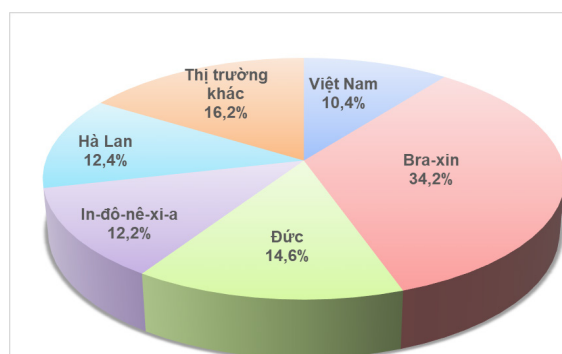
Theo Eurostat, nhập khẩu hạt tiêu của Pháp từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2020 tăng 166,7% về lượng và tăng 119% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 1.432 tấn, trị giá 3,72 triệu EUR (tương đương 4,4 triệu USD). Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong

tổng lượng nhập khẩu của Pháp tăng mạnh từ 10,4% trong 5 tháng đầu năm 2019, lên 27,1% trong 5 tháng đầu năm 2020.

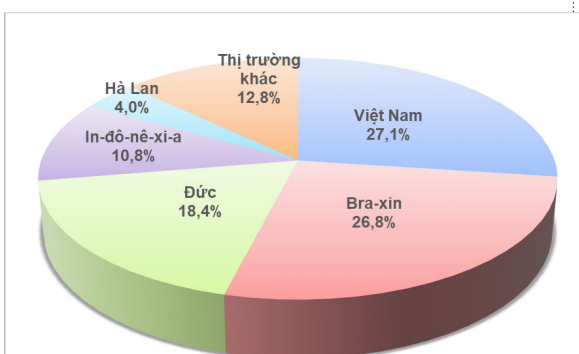
Ngược lại, nhập khẩu hạt tiêu của Pháp từ Bra-xin giảm 19,5% về lượng và giảm 14,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 1.417 tấn, trị giá 3,46 triệu EUR (tương đương 4,1 triệu USD). Thị phần hạt tiêu của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 34,2% trong 5 tháng đầu năm 2019, xuống 26,8% trong 5 tháng đầu năm 2020.

Cơ cấu nguồn cung hạt tiêu cho Pháp (Tỷ trọng tính theo lượng)

5 tháng đầu năm 2019



5 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Eurostat

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu trái cây của Băng-la-đét tăng, đặc biệt là nhập khẩu cam, quýt và táo.
- ▶ EU cho phép nhập khẩu xoài từ Cô-lôm-bi-a mà không cần kiểm dịch.
- ▶ Thị phần quả dứa Việt Nam (mã HS 080111) trong tổng nhập khẩu của Thái Lan tăng.
- ▶ Ước tính xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 7/2020 giảm 1,8% so tháng 7/2019.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- **Pê-ru:** Theo Bộ Ngoại thương và Du lịch Pê-ru, trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu trái cây của Pê-ru đạt 1,41 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu cam, quýt tăng 41% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 62 triệu USD; Xuất khẩu nho tăng 26,5%, lên 451 triệu USD; xoài tăng 26,8%, lên 329 triệu USD và bơ tăng 7,1%, lên 328 triệu USD.

Thị trường xuất khẩu trái cây chủ yếu của Pê-ru là Hoa Kỳ và châu Âu. Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ chiếm 40% trong tổng trị giá xuất khẩu trái cây của Pê-ru, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu sang châu Âu chiếm 38% và tăng 18% so với cùng kỳ năm 2019.

- **Băng-la-đét:** Trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu trái cây của Băng-la-đét tăng, đặc biệt là nhập khẩu cam, quýt và táo. Dịch

Covid-19 khiến nhu cầu tiêu thụ trái cây của Băng-la-đét 6 tháng đầu năm 2020 tăng. Mặc dù đang là vụ thu hoạch các loại trái cây địa phương như xoài, mít và vải, nhưng nhu cầu về quýt, táo, cam và nho ngày càng tăng.

Theo Cơ quan Hải quan Băng-la-đét, trong 6 tháng đầu năm 2020, nước này đã nhập khẩu 213,1 nghìn tấn các loại trái cây gồm: quýt, táo, cam, nho và lê, tăng 19,18% so với cùng kỳ năm ngoái.

- **EU:** Cơ quan kiểm dịch thực vật của Liên minh châu Âu đã xác nhận xoài từ Cô-lôm-bi-a được nhập khẩu vào châu Âu mà không cần áp dụng phương pháp kiểm dịch. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu xoài của Cô-lôm-bi-a tới EU. Dự kiến xuất khẩu xoài của Cô-lôm-bi-a tới EU năm 2020 sẽ tăng cao hơn so với 700 tấn trong năm 2019.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu hàng rau quả tháng 7/2020 đạt 240 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng 7/2019. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hàng rau quả ước đạt 2 tỷ USD, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2020, mặc dù giảm nhưng trái cây vẫn là chủng loại xuất khẩu chính, đạt 1,2 tỷ USD, giảm 22,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu trái cây sang thị trường Trung Quốc đạt 921,6 triệu USD, giảm 31,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi xuất khẩu trái cây sang các thị trường Thái Lan, Hồng Kông, Các TVQ Ả rập Thống nhất, Hàn Quốc, Úc tăng mạnh.

Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh, lũ lụt tại nước này làm giảm nhu cầu tiêu thụ trong ngắn hạn đối với trái cây nói riêng và hàng rau quả nói chung.

Tuy nhiên, xuất khẩu trái cây có nhiều tín hiệu khả quan khi nhiều loại chủng loại quả của Việt Nam được thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm như: 20 tấn thanh long ruột đỏ của tỉnh Sơn La được xuất khẩu sang Nhật Bản trong ngày 10/7/2020; Lần đầu tiên 30 tấn nhãn của tỉnh Sơn La được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc vào cuối tháng 7/2020. Năm 2020, tỉnh Sơn La dự tính tiêu thụ khoảng 75.000 tấn nhãn, trong đó 8.500 tấn dành cho xuất khẩu sang thị trường các nước Trung Quốc, Úc và Hoa Kỳ; 7 tấn sầu riêng đông lạnh của Việt Nam xuất khẩu vào bang New South Wales của Úc vào ngày 23/7/2020. Ngày 23/7/2020, 10 tấn thanh long ruột đỏ đã được xuất khẩu sang thị trường Nga. Điều này mở ra cơ hội tốt để đẩy mạnh xuất khẩu chủng loại quả sang các thị trường tiềm năng lớn này.

Chủng loại rau quả xuất khẩu trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 6/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Quả	170.780	-15,5	1.219.517	-22,9	100,0	100,0
Thanh long	77.611	-3,0	591.497	-6,7	48,5	40,1
Xoài	6.399	-5,1	147.480	3,3	12,1	9,0
Chuối	9.141	-26,8	102.840	4,8	8,4	6,2
Mít	8.842	27,6	73.967	41,1	6,1	3,3
Dừa	10.315	113,2	71.197	93,8	5,8	2,3
Sầu riêng	19.394	-8,0	47.256	-71,2	3,9	10,4
Dưa hấu	373	28,4	32.143	-38,1	2,6	3,3
Vải	22.454	-30,5	29.785	-25,7	2,4	2,5
Chanh	3.004	-22,1	26.189	19,0	2,1	1,4
Chanh leo	2.504	25,7	17.359	11,8	1,4	1,0
Nhãn	1.143	-2,6	16.672	-82,1	1,4	5,9
Loại khác	9.599	-68,4	63.132	-72,5	5,2	14,5
Sản phẩm chế biến	58.904	11,8	350.557	22,3	100,0	100,0
Xoài	2.537	69,0	31.362	75,8	8,9	6,2
Chanh leo	8.723	-12,0	30.136	-10,4	8,6	11,7

Thị trường	Tháng 6/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Trái cây	4.789	210,9	23.850	241,1	6,8	2,4
Ớt	1.714	602,8	20.203	1358,8	5,8	0,5
Dứa	3.098	63,3	17.160	86,8	4,9	3,2
Loại khác	38.044	1,2	227.846	4,7	65,0	75,9
Hoa	2.660	-21,3	20.269	-7,0	100,0	100,0
Cúc	2.161	-14,0	15.886	-3,0	78,4	75,1
Lan Hồ điệp	2	-99,3	1.702	-17,6	8,4	9,5
Cát tường	351	190,2	1.086	64,1	5,4	3,0
Cẩm chướng	36	-73,7	880	-31,1	4,3	5,9
Ly	59	2,2	371	0,5	1,8	1,7
Loại khác	51	-79,6	344	-67,3	1,7	4,8
Lá	329	-22,2	2.846	-26,6	100,0	100,0
Lá sắn	102	-39,0	657	-0,9	23,1	17,1
Lá tre	16	-72,2	593	-29,4	20,8	21,6
Lá dương xỉ	30	9,3	224	2,4	7,9	5,6
Loại khác	181	5,7	1.372	-36,4	48,2	55,6

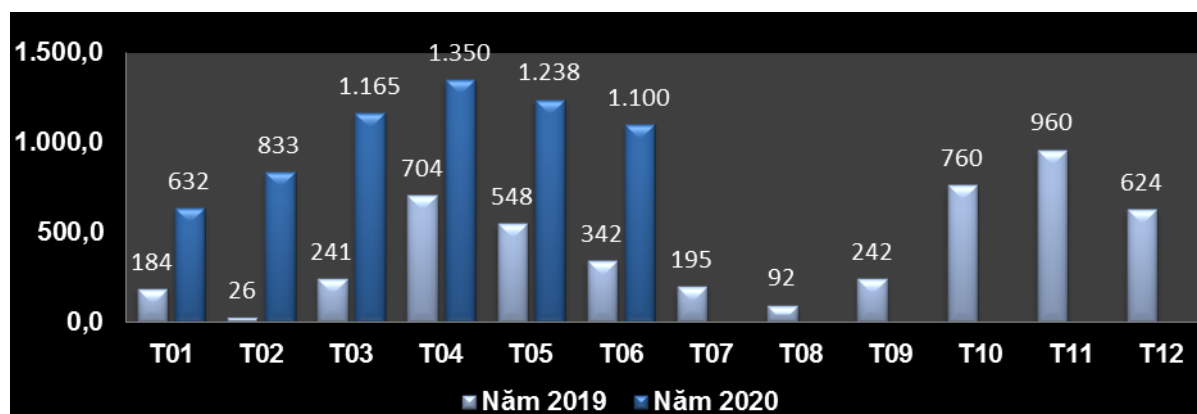
Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU DỪA (MÃ HS 080111) CỦA THÁI LAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, nhập khẩu dứa trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 6,3 nghìn tấn, trị giá 383 triệu Baht (tương đương 12,29 triệu USD), tăng 208,9% về lượng và tăng 292,7% về trị

giá so với cùng kỳ năm 2019. Thái Lan được xem là trung tâm chế biến của khu vực Đông Nam Á. Chính vì vậy, Thái Lan có nhu cầu về sự đa dạng nguồn nguyên liệu cho chế biến.

Thái Lan nhập khẩu dứa (mã HS 080111) qua các tháng năm 2019 – 2020 (ĐVT: Tấn)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

Thái Lan nhập khẩu dừa từ 3 thị trường chính và đều tăng mạnh nhập khẩu cả về lượng và trị giá từ các thị trường này trong nửa đầu năm 2020. Trong đó, nhập khẩu dừa của Thái Lan từ Việt Nam đạt 2,28 nghìn tấn, trị giá 139,96 triệu Baht (tương đương 4,49

triệu USD), tăng 212,6% về lượng và tăng 332% về trị giá. Tỷ trọng nhập khẩu dừa từ Việt Nam chiếm tới 36% tổng lượng dừa của Thái Lan, tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Thái Lan nhập khẩu dừa từ 3 thị trường chính trong 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	6 tháng năm 2020			So với 6 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng theo lượng 6 tháng(%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn Baht)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2020	Năm 2019
Tổng	6.318	383.051	12.293	208,9	292,7	100,0	100,0
In-đô-nê-xi-a	2.389	148.156	4.755	145,0	266,7	37,8	47,7
Việt Nam	2.277	139.963	4.492	212,6	332,0	36,0	35,6
Phi-líp-pin	1.652	94.932	3.047	382,8	283,6	26,1	16,7

Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan
(Tỷ giá 1 USD = 31,16 baht)



THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

- *Giá sản lát xuất khẩu của Thái Lan đầu tháng 8/2020 tăng so với cuối tháng 7/2020, giá tinh bột sản ổn định.*
- *Xuất khẩu sản lát sang thị trường Trung Quốc tăng do nhu cầu cho ngành thức ăn chăn nuôi và sản xuất cồn tăng cao khi giá ngô tăng mạnh.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Trong 10 ngày đầu tháng 8/2020, Hiệp hội tinh bột sản Thái Lan thông báo giữ giá sản xuất khẩu tinh bột sản ở mức 445 USD/tấn, ổn định so với cuối tháng 7/2020 và giá thu mua tinh bột sản nội địa cũng được giữ ổn định ở mức 13 Baht/kg.

Trong khi đó, Hiệp hội nhà máy sản xuất khoai sản Thái Lan công bố giá sản xuất khẩu sản lát ở mức 240 - 250 USD/tấn FOB - Băng Cốc, tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng 7/2020 do nguồn cung khan hiếm; giá thu mua tinh bột sản nội địa cũng được điều chỉnh ở mức 12,8 - 13,8 Baht/kg, tăng 1 Baht/kg so với cuối tháng 7/2020; trong khi giá sản nguyên liệu được giữ ổn định ở mức 2,0 - 2,3 Baht/kg so với cuối tháng 7/2020.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu sản lát (mã HS 07141011) của Thái Lan đạt 1,81 triệu tấn, trị giá 11,87 tỷ Baht (tương đương 383,24 triệu USD), tăng 1,1% về lượng, nhưng giảm 1,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,91% tổng lượng sản lát xuất khẩu của Thái Lan, đạt 1,81 triệu tấn, trị giá 11,86 tỷ Baht (tương đương 382,85 triệu USD), tăng 1,4% về lượng, nhưng giảm 1,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

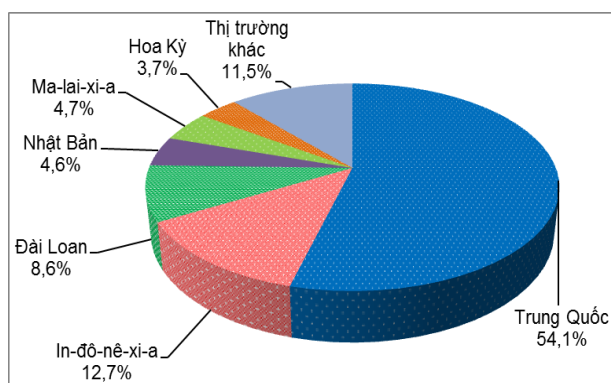
(Tỷ giá 1 Baht = 0,03227 USD)

Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tinh bột sản (mã HS 11081400) của Thái Lan đạt 1,33 triệu tấn, trị giá 17,31 tỷ Baht (tương đương 558,64 triệu USD), giảm 12,6% về lượng và giảm 18,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu tinh bột sản sang Trung Quốc chiếm 59,4% tổng lượng tinh bột sản xuất khẩu của Thái Lan, đạt 791,18 nghìn tấn, trị giá 9,95 tỷ Baht (tương đương 321 triệu USD), giảm 4% về lượng và giảm 11,1% về trị giá; In-đô-nê-xi-a chiếm 8,7%, đạt 115,45 nghìn tấn, giảm 40,5% và thị trường Đài Loan chiếm 8,6%, đạt 114,13 nghìn tấn, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2019.

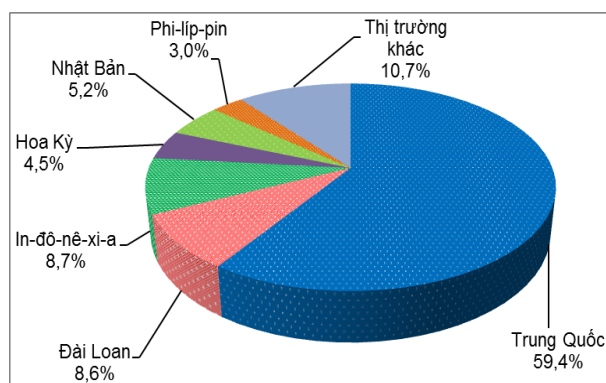


Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sắn (mã HS 11081400) của Thái Lan (% tính theo lượng)

6 tháng đầu năm 2019



6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tại Đắc Lắc, tất cả các nhà máy chế biến tinh bột sắn đã tạm ngưng sản xuất và dự kiến sẽ sản xuất trở lại vào tháng 10/2020. Năm nay diện tích sắn trồng vụ mới tại Đắc Lắc tăng do người dân chuyển từ trồng mía sang trồng sắn. Một số diện tích sắn trồng giống mới cũng đã xuất hiện bệnh khảm lá, tuy nhiên tỉ lệ này rất ít.

Tại Kon Tum, sắn vụ mới đã trồng được hơn 2 tháng, cây sinh trưởng và phát triển tốt do thời tiết thuận lợi. Theo đánh giá ban đầu, tại hầu hết các huyện của tỉnh Kon Tum chưa thấy xuất hiện bệnh khảm lá trên cây sắn.

Tại Sơn La, diện tích gieo trồng sắn năm 2020 tăng khá mạnh so với năm 2019, thậm chí có vùng tăng gấp 2 lần do người dân chuyển từ trồng ngô sang trồng sắn. Năm nay, thời tiết tại Sơn La trong những tháng đầu năm thuận lợi, đồng thời chưa thấy ảnh hưởng của dịch bệnh trên những diện tích sắn mới trồng nên năng suất và sản lượng sắn được nhận định sẽ tăng so với năm trước.

Tại Thanh Hóa, diện tích sắn nhiễm bệnh khảm lá chiếm tỉ lệ không đáng kể. Ước tính, diện tích sắn trồng mới năm 2020 tại Thanh Hóa tăng từ 10-20% so với năm trước.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN

Theo ước tính, tháng 7/2020 xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 190 nghìn tấn, trị giá 70 triệu USD, tăng 21,4% về lượng và tăng 30,4% về trị giá so với tháng 6/2020; so với tháng 7/2019 tăng 13,5% về lượng và tăng 6,8% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân giảm 5,9% so với tháng 7/2019, xuống còn 368,4 USD/tấn. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn ước đạt 1,57 triệu tấn, trị giá 542 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Tính riêng mặt hàng sắn, trong tháng

7/2020 xuất khẩu ước đạt 29 nghìn tấn, trị giá 7,2 triệu USD, giảm 45,1% về lượng và giảm 45,4% về trị giá so với tháng 6/2020; so với tháng 7/2019 tăng 152,6% về lượng và tăng 131,7% về trị giá, giá xuất khẩu bình quân giảm 8,3% so với tháng 7/2019, xuống còn 244 USD/tấn. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu sắn ước đạt 437 nghìn tấn, trị giá 98 triệu USD, tăng 75,1% về lượng và tăng 86,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tinh bột sắn đạt 970,48 nghìn tấn, trị giá 380,53

triệu USD, tăng 1% về lượng, nhưng giảm 7,8% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 392,1 USD/tấn, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Đài Loan và Ma-lai-xi-a. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 93,2% tổng lượng tinh bột sản xuất khẩu của cả nước, với 904,08 nghìn tấn, trị giá 352,62 triệu USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 4,9% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 390 USD/tấn, giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu sắn lát khô đạt 388,2 nghìn tấn, trị giá 88,74 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2020, tăng 126,5% về lượng và tăng 122,3% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 228,6 USD/tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2019. Sắn lát khô được xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a. Trong đó, xuất khẩu sắn lát sang Trung Quốc chiếm 85,4% tổng lượng sắn lát xuất khẩu với 331,66 nghìn tấn, trị giá 73,4 triệu USD, tăng 187,3%

về lượng và tăng 197,1% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân đạt 221,3 USD/tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu sắn lát tăng do nhu cầu từ Trung Quốc tăng. Trong khi đó, xuất khẩu tinh bột vẫn ở mức thấp do nhu cầu tiêu thụ tinh bột sắn từ Trung Quốc yếu vì thời tiết nắng nóng và dịch Covid -19 bùng phát tại Trung Quốc.

Giá ngô tại Trung Quốc vẫn đang tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm, trong khi nhu cầu tiêu thụ từ ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất cồn đang tăng cao, đây là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp xuất khẩu sắn lát của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang Trung Quốc. Dự báo giá xuất khẩu sắn lát vẫn sẽ tiếp tục tăng do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu của Trung Quốc tốt hơn. Giá xuất khẩu tinh bột sắn qua kênh biên mậu cũng sẽ tăng do nhu cầu mua từ Trung Quốc nhiều hơn trong bối cảnh tồn kho nội địa thấp.

Chủng loại sản xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	Tháng 6/2020		So với tháng 6/2019 (%)		6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tinh bột sắn	101.783	40.355	-9,8	-14,6	970.486	380.529	1,0	-7,8
Sắn lát khô	54.110	12.918	172,8	147,6	388.206	88.742	96,7	91,6
Củ sắn tươi đã qua chế biến	257	240	35,3	12	1.663	1.416	119,7	61,9
Loại khác	47	51	20,5	94,8	226	226	-59,7	8,1
Củ sắn tươi		0			18.651	1.131	-53,7	-63,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẢN LÁT VÀ TINH BỘT SẢN CỦA TRUNG QUỐC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Sản lát: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu sản lát (mã HS 071410) của Trung Quốc đạt 438,48 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2019. Thái Lan, Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia là 4 thị trường chính cung cấp sản lát cho Trung Quốc. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc tăng nhập khẩu sản lát từ Việt Nam và Lào, trong khi giảm nhập khẩu từ Thái Lan và Căm-pu-chia.

Trong đó, Việt Nam là thị trường lớn thứ 2 cung cấp sản lát cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020 với 69,35 triệu USD, tăng 121,4% so với cùng kỳ năm 2019, thị phần sản lát của Việt Nam chiếm 15,8% trong tổng trị giá nhập khẩu sản lát của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 7% của 6 tháng đầu năm 2019. Trong khi đó, Trung Quốc nhập khẩu sản lát từ Thái Lan đạt 344,6 triệu USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2019, nhập khẩu sản lát từ Thái Lan chiếm 78,6% trong tổng trị giá nhập khẩu sản lát của Trung Quốc, giảm so với mức 89,7% của cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc nhập khẩu sản lát từ Lào đạt 19,21 triệu USD, tăng 286,2% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 4,4% trong tổng trị giá nhập khẩu sản

lát của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 1,1% của 6 tháng đầu năm 2019.

Tinh bột sản: Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc nhập khẩu tinh bột sản (mã HS: 11081400) đạt 1,48 triệu tấn, trị giá 605,58 triệu USD, tăng 15,9% về lượng và tăng 6,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia.

Trong đó, Việt Nam là thị trường lớn thứ 2 cung cấp tinh bột sản cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020 với 604,1 nghìn tấn, trị giá 236,31 triệu USD, tăng 57,4% về lượng và tăng 44,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; trong khi Trung Quốc giảm nhập khẩu tinh bột sản của Thái Lan với 833,78 nghìn tấn, trị giá 349,41 triệu USD, giảm 3,9% về lượng và giảm 10,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Thị phần tinh bột sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020 chiếm 40,6%, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019; trong khi thị phần tinh bột sản của Thái Lan chiếm 56%, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

Thị trường cung cấp tinh bột sản cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020 (mã HS 11081400)

Thị trường	6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	6 tháng năm 2019	6 tháng năm 2020
Tổng	1.487.959	605.582	15,9	6,8	100	100
Thái Lan	833.779	349.417	-3,9	-10,4	67,6	56,0
Việt Nam	604.108	236.310	57,4	44,9	29,9	40,6
Lào	29.351	11.461	436,0	382,0	0,4	2,0
Căm-pu-chia	20.654	8.307	-23,9	-27,1	2,1	1,4
Đài Loan	36,8	42,0	-43,9	-45,2	0,0	0,0
Bra-xin	27,8	32,2	6.606	2.560	0,0	0,0
Nhật Bản	1,2	6,3	60,0	48,4	0,0	0,0
Hoa Kỳ	0,2	2,9	1.318,8	3.632,9	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Theo khảo sát của Undercurrent News, người tiêu dùng Trung Quốc sẽ giảm tiêu thụ thủy sản sau hàng loạt tin tức tiêu cực về virus corona liên quan đến thủy sản nhập khẩu.
- ▶ Doanh số bán lẻ hải sản của Anh trong 12 tháng kể từ tháng 6/2019 tăng 5% về lượng và tăng 4,6% về trị giá so với 12 tháng trước đó do xu hướng tiêu dùng thay đổi dưới tác động của dịch Covid-19. Trong đó, tiêu thụ cá tra tăng mạnh.
- ▶ Giá tôm của Ấn Độ được dự báo giảm khoảng 0,5 USD/kg đối với tất cả các cỡ tôm trong các tuần đầu tháng 8/2020, nhưng vẫn cao hơn so với giá tôm của Ê-cu-a-đo.
- ▶ Tháng 6/2020, xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

- **Trung Quốc:** Theo khảo sát của Undercurrent News, 71% trong số 65 thành viên kinh doanh thủy sản của Trung Quốc tham gia khảo sát trực tuyến cho rằng, người tiêu dùng Trung Quốc sẽ giảm tiêu thụ thủy sản nhập khẩu.

Theo khảo sát, 44% thành viên tham gia khảo sát cho rằng tiêu dùng thủy sản Trung Quốc sẽ giảm 20 - 50% so với năm 2019; 20% cho rằng mức giảm sẽ lên tới hơn 50%. Trong khi đó, không một nhà quản lý nào tham gia khảo sát cho rằng tiêu dùng thủy sản Trung Quốc sẽ tăng; 20% các nhà quản lý cho rằng tiêu dùng thủy sản có thể giảm hơn 50% sau hàng loạt tin tức tiêu cực về virus corona liên quan đến thủy sản nhập khẩu.

Theo khảo sát, 30% nhà quản lý thực hiện xác định tôm thẻ nhập khẩu nằm trong số các sản phẩm chịu tác động mạnh nhất bởi dịch Covid-19; 24% cho rằng thủy sản biển nhập khẩu, như cá tuyết và cá hồi sẽ chịu tác động mạnh nhất; chỉ 6% cho rằng các loại thủy sản nuôi trong nước bị tác động mạnh nhất.

Theo thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 6/2020 nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của nước này tăng 36% về lượng và tăng 34% về trị giá so với tháng 5/2020, lên 75.000 tấn, trị giá 420 triệu USD, mức cao nhất kể từ tháng 12/2019. Trong đó,



nhập khẩu tôm của Trung Quốc từ Ê-cu-a-đo tháng 6/2020 tăng 72% so với tháng 5/2020, lên 50 nghìn tấn. Thị phần tôm Ê-cu-a-đo trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm tới 2/3 tổng trị giá nhập khẩu tôm của nước này trong tháng 6/2020. Ấn Độ là nguồn cung cấp tôm lớn thứ 2 cho Trung Quốc, đạt 14,5 nghìn tấn, tương đương với tháng 5/2020. Thái Lan, Việt Nam và Úc-hen-ti-na là các thị trường cung cấp lớn tiếp theo.

Trong nửa đầu năm 2020, nhập khẩu tôm nước ấm của Trung Quốc đạt 339 nghìn tấn, trị giá 1,98 tỷ USD. Tuy nhiên, tháng 7/2020 nhập khẩu tôm của Trung Quốc từ Ê-cu-a-đo giảm mạnh do Trung Quốc tạm dừng nhập khẩu từ 3 công ty xuất khẩu tôm lớn của Ê-cu-a-đo, chiếm khoảng 205 nghìn tấn trong tổng kim ngạch nhập khẩu tôm của Trung Quốc, tương đương 60%.

Nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc trong tháng 6/2020

Thị trường	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Giá trung bình (USD/kg)
Tổng	74.573	420	5,64
Ê-cu-a-đo	50.180	266	5,3
Ấn Độ	14.462	81	5,6
Ắc-hen-ti-na	2.426	18	7,36
Việt Nam	2.536	18	7,12
Thái Lan	2.430	22	9,16
In-đô-nê-xi-a	942	5	5,4
Ma-lai-xi-a	504	3	6,31
Mi-an-ma	174	1	2,97
Ả rập Xê-út	38	0.2	4,61
Thị trường khác	882	6	6,61

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

- **Anh:** Doanh số bán lẻ hải sản của Anh trong giai đoạn từ tháng 6/2019 đến năm tháng 6/2020 đạt 412,3 nghìn tấn, trị giá 4 tỷ GBP, tăng 5% về lượng và tăng 4,6% về trị giá so với 12 tháng trước đó do xu hướng tiêu dùng thay đổi dưới tác động của dịch Covid-19. Việc đóng cửa tạm thời các nhà hàng đã hỗ trợ doanh số bán lẻ hải sản của Anh, đặc biệt tiêu thụ thủy sản đông lạnh.

Theo thống kê, tiêu thụ hải sản ướp lạnh chiếm 59,6% tổng tiêu thụ thủy sản của Anh trong giai đoạn thống kê, giảm 0,8%, xuống còn 2,39 tỷ GBP (tương đương 3 tỷ USD); doanh thu hàng hải sản đông lạnh tăng 11,1%, lên hơn 1 tỷ GBP (tương đương 1,3 tỷ USD).

Đáng chú ý, tiêu thụ cá tra của Anh trong 12 tháng đạt 9.042 tấn, trị giá 69,8 triệu GBP (tương đương 88,2 triệu USD), tăng 22,9% về lượng và tăng 19% về trị giá so với 12 tháng trước đó.

- **Ấn Độ:** Giá tôm thẻ chân trắng của Ấn Độ

đầu tháng 8/2020 dự kiến giảm do giá tôm của Ê-cu-a-đo giảm. Theo đó, nguồn cung tôm từ Ê-cu-a-đo dồi dào do 3 công ty xuất khẩu tôm lớn của nước này bị tạm dừng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tạo áp lực khiến giá tôm của nước này giảm. Giá tôm của Ấn Độ được dự báo giảm khoảng 0,5 USD/kg đối với tất cả các cỡ tôm trong các tuần đầu tháng 8/2020, nhưng vẫn cao hơn so với giá tôm của Ê-cu-a-đo. Giá tôm tại cổng trại đối với tôm nguyên vỏ nguyên đầu (HOSO) của Ấn Độ cao hơn khoảng 0,8 USD/kg so với giá tôm Ê-cu-a-đo đối với tôm cỡ 20-30 con/kg; cao hơn 1,2 USD/kg đối với cỡ tôm 40-50 con/kg.



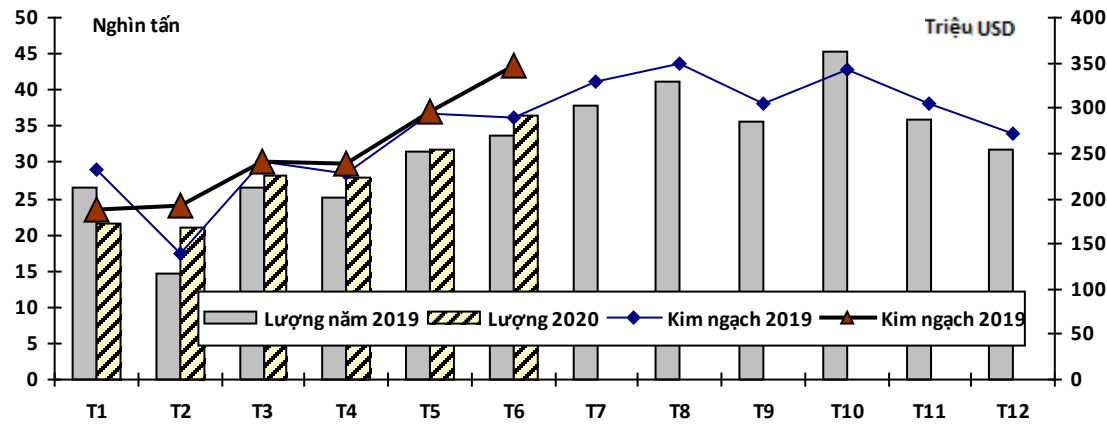
XUẤT KHẨU TÔM THÁNG 6/2020 TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2019

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu tôm tháng 6/2020 đạt 36,4 nghìn tấn, trị giá 347,8 triệu USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 19,9% về trị giá

so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm đạt 166,7 nghìn tấn, trị giá 1,5 tỷ USD, tăng 5,6% về lượng và tăng 5,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2019 – 2020

ĐVT: Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu tôm của Việt Nam tháng 6/2020 tăng trưởng khả quan do xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Anh, Canada, ASEAN, Đài Loan và Thụy Sĩ tăng. Theo đó, tháng 6/2020 xuất khẩu tôm sang Hoa Kỳ đạt 8,9 nghìn tấn, trị giá 98.6 triệu USD, tăng 41% về lượng và tăng 54,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu tôm sang Trung Quốc

tăng nhẹ; xuất khẩu sang Nhật Bản và EU vẫn giảm so với tháng 6/2019.

Dự báo, trong các tháng cuối năm 2020, xuất khẩu tôm của Việt Nam tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung cả năm 2020, xuất khẩu tôm có thể tăng 7,7% về lượng và tăng 5,82% về trị giá so với năm 2019, đạt 415,2 nghìn tấn, trị giá 3,52 tỷ USD.

Các thị trường xuất khẩu tôm lớn của Việt Nam trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 6/2020		So với tháng 6/2019 (%)		6 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hoa Kỳ	8.909	98.617	41	54,2	29.649	321.299	21,7	28,6
Nhật Bản	5.708	52.196	-3,1	-3,9	30.007	274.533	3,8	1,7
EU	4.483	38.523	-12,7	-7,2	23.678	200.485	-7,8	-7
Trung Quốc	5.174	49.920	1,5	32,2	22.983	189.443	13,2	5
Hàn Quốc	4.296	31.787	4,5	13,6	21.610	157.418	1,5	3,7
Anh	2.200	23.602	19,7	53,8	9.787	93.328	9,7	10,8
Ca-na-đa	1.142	12.912	19,8	22,7	6.592	74.502	26,7	29,2
Úc	1.051	8.912	-6	-20,1	5.332	48.692	-3,5	-9,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Sản phẩm gỗ và đồ nội thất tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất của Hoa Kỳ trong tháng 7/2020.
- ▶ Ngành công nghiệp nội thất của Bra-xin đang chịu tác động tiêu cực do dịch Covid-19 gây ra.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm.
- ▶ Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong nửa đầu năm 2020 tăng mạnh.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Hoa Kỳ: Theo Viện quản lý nguồn cung (ISM) Hoa Kỳ, sản xuất của Hoa Kỳ đã tăng trở lại trong tháng 7/2020, chỉ số PMI của Hoa Kỳ ở mức 54,2 điểm, cao hơn 52,6 điểm của tháng 6/2020, đánh dấu mức mở rộng nhanh nhất trong lĩnh vực sản xuất kể từ tháng 3/2019 đến nay. Tương tự tháng 6/2020, sản phẩm gỗ và đồ nội thất tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất của Hoa Kỳ trong tháng 7/2020.

Bra-xin: Theo Tổ chức Gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), ngành công nghiệp nội thất của Bra-xin chịu tác động tiêu cực do dịch Covid-19 gây ra. Doanh thu trong lĩnh vực đồ nội thất của Bra-xin trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 656,9 triệu Real (tương đương 123,25 triệu USD), giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu lĩnh vực này giảm là do doanh số bán hàng trong tháng 3 và tháng 4/2020 ở mức rất thấp do giãn cách xã hội tại Bra-xin nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

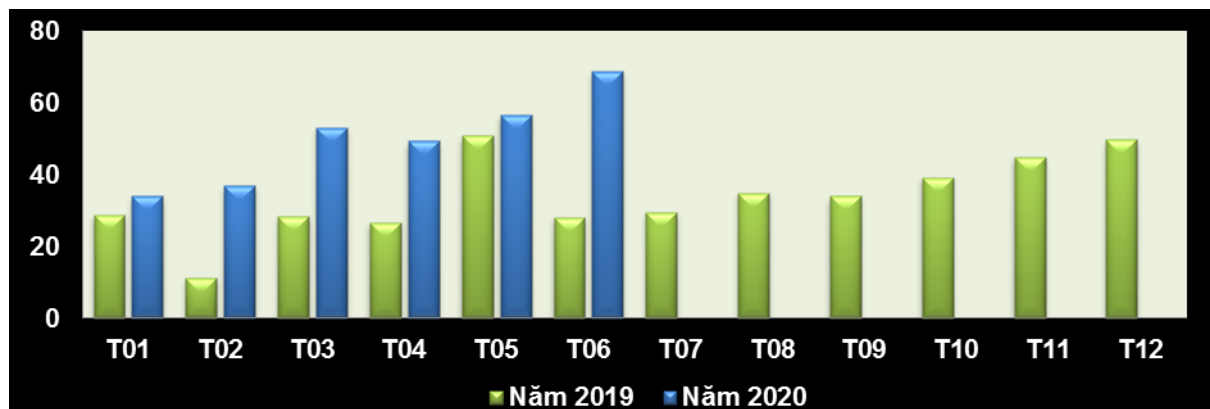


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 6/2020 trị giá xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam đạt 68,8 triệu USD, tăng 145,1% so với tháng 6/2019. Trong 6

tháng đầu năm 2020, xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 298,8 triệu USD, tăng 71,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp theo tháng giai đoạn năm 2019 - 2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Mặt hàng đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Hoa Kỳ trong nửa đầu năm 2020, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường này chiếm tới 69,5% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp, tăng 34,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019. Tiếp theo là các thị trường khác như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Đức...

Mặc dù dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên thị trường thế giới, khiến nhiều ngành hàng xuất khẩu bị ảnh hưởng tiêu cực, nhưng xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh trong nửa đầu năm 2020. Điều này cho thấy, trong thời gian thực hiện nghiêm ngặt lệnh giãn cách của các thị trường

xuất khẩu trọng điểm, thì mặt hàng đồ nội thất nhà bếp lại được chú trọng, do nhu cầu sinh hoạt tại gia đình tăng, nên xu hướng sử dụng các sản phẩm nhà bếp cũng tăng trong thời gian này.

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp sẽ chậm lại trong những tháng cuối năm 2020. Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 khiến tình trạng thiếu việc làm gia tăng tại các thị trường nhập khẩu đồ nội thất nhà bếp chính của Việt Nam như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, khiến thu nhập giảm, hạn chế sự chi tiêu của người dân là yếu tố chính làm giảm nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất nhà bếp trong thời gian tới.





Thị trường xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 6/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	68.820	145,1	298.755	71,3	100,0	100,0
Hoa Kỳ	52.192	327,8	207.748	238,1	69,5	35,2
Nhật Bản	6.136	-3,2	38.502	-13,8	12,9	25,6
Hàn Quốc	4.501	12,4	24.133	-24,9	8,1	18,4
Anh	1.058	-17,1	5.444	-30,4	1,8	4,5
Đức	466	51,6	2.766	-16,5	0,9	1,9
Trung Quốc	572	1,7	2.605	-27,6	0,9	2,1
Úc	472	-30,8	2.046	-44,5	0,7	2,1
Ai Cập	212	-9,8	1.515	-3,9	0,5	0,9
Ca-na-đa	460	-34,3	1.477	-54,9	0,5	1,9
Đài Loan	302	15,7	1.369	0,6	0,5	0,8
Thị trường khác	2.449	62,1	11.151	-3,6	3,7	6,6

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc trong tháng 6/2020 đạt 59,7 triệu USD, giảm 27,9% so với tháng 6/2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 6/2020, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 388,3 triệu USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Ý đạt 145,8 triệu USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tiếp theo là thị trường Đức đạt 66,3 triệu USD, tăng 20,8%; nhập khẩu từ Việt Nam đạt 37,6 triệu USD, giảm 44,1% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 9,7% tổng nhập khẩu, giảm 3,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ 10 thị trường chính

Thị trường	Tháng 6/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	59.667	-27,9	388.260	-25,9	100,0	100,0
Ý	16.232	-39,1	145.753	-25,9	37,5	37,5
Đức	7.439	-41,6	66.322	20,8	17,1	10,5
Việt Nam	9.989	-14,8	37.582	-44,1	9,7	12,8
Ba Lan	4.619	-18,4	25.645	-37,7	6,6	7,9
Ma-lai-xi-a	4.229	6,5	14.315	-38,5	3,7	4,4
Lít-va	2.386	-14,3	13.694	-35,3	3,5	4,0
Thái Lan	3.265	5,0	12.118	-27,3	3,1	3,2
Pháp	1.091	23,6	11.943	62,4	3,1	1,4
Xlô-va-ki-a	1.930	46,0	6.602	-21,3	1,7	1,6
In-đô-nê-xi-a	648	-67,7	6.171	-50,2	1,6	2,4
Thị trường khác	7.837	-34,0	48.114	-35,9	12,4	14,3

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Đáng chú ý, trong nửa đầu năm 2020 Trung Quốc giảm nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trừ mặt hàng đồ nội thất nhà bếp (mã HS 940340). Trị giá nhập khẩu đồ nội thất nhà bếp của Trung Quốc đạt 73,9 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng này chủ

yếu từ thị trường Đức và Ý, tỷ trọng nhập khẩu từ hai thị trường này chiếm tới 94,8% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất nhà bếp của Trung Quốc. Trong đó, trị giá nhập khẩu từ Đức đạt 55 triệu USD, tăng 38,3%; Ý đạt 15,1 triệu USD, giảm 23,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ 6 tháng đầu năm 2020

Mã HS	Tháng 6/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2019 (%)	6 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 6 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	59.667	-27,9	388.260	-25,9	100,0	100,0
940360	23.976	-24,4	143.185	-29,7	36,9	38,8
940161+040169	16.539	-19,7	98.794	-32,5	25,4	27,9
940340	8.585	-35,9	73.942	15,8	19,0	12,2
940350	8.780	-40,3	60.950	-36,9	15,7	18,4
940330	1.787	-24,3	11.389	-17,8	2,9	2,6

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

(Mã HS 940360: đồ nội thất phòng khách và phòng ăn; HS 940161+940169: ghế khung gỗ; HS 940350: đồ nội thất phòng ngủ; HS 940340: đồ nội thất nhà bếp; HS 940330: đồ nội thất văn phòng.

TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ

MỜI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

“LOGISTICS VỚI THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN”



ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN

LOGISTICS VỚI THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN

Thời gian: 8h30 - 11h30, Thứ Bảy ngày 15 tháng 8 năm 2020

Đăng ký tham dự tại <https://bit.ly/3a2o0w9>



Nông nghiệp là ngành mà Việt Nam có nhiều thế mạnh, tiềm năng phát triển và có vai trò quan trọng trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước, do vậy, hoạt động logistics đối với nông sản luôn là một mối quan tâm lớn của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, của cộng đồng doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản cũng như doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics.

Tiếp nối chủ đề “Logistics nâng cao giá trị nông sản” đã được nêu tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2019 tổ chức ở Đà Nẵng và kết luận tại Hội nghị về cắt giảm chi phí logistics cho nông sản vào ngày 09 tháng 7 năm 2020 vừa qua, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương phối hợp với Hiệp hội Nông nghiệp số Việt Nam (VIDA) và Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA) tổ chức chương trình đào tạo “Logistics với thương mại nông sản” nhằm cung cấp những kiến thức về logistics cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản cũng như doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics, đồng thời tạo cầu nối liên kết các doanh nghiệp của hai ngành với nhau.

Thông tin cụ thể về chương trình đào tạo như sau:

Hình thức: Trực tuyến trên nền tảng Webex.

Thời gian: 8h30 - 11h30 ngày 15 tháng 8 năm 2020 (Thứ Bảy).

Nội dung: Chi tiết tại file Phụ lục kèm theo.

Các tổ chức, cá nhân được miễn phí tham gia chương trình.

Thông tin xác nhận tham gia chương trình đăng ký tại địa chỉ: <https://bit.ly/3a2o0w9> trước 15h00 ngày 13 tháng 8 năm 2020 (Thứ Năm).

Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương xin thông tin để quý Cơ quan được biết và tham gia chương trình.

MỜI THAM DỰ HỘI THẢO TRỰC TUYẾN TẬP HUẤN VÀ KẾT NỐI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỚI TẬP ĐOÀN PHÂN PHỐI NƯỚC NGOÀI

Nhằm triển khai Đề án “Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp vào hệ thống phân phối nước ngoài đến 2020” Bộ Công Thương sẽ chủ trì, phối hợp cùng các Tập đoàn phân phối tổ chức Hội thảo trực tuyến tập huấn, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp Việt Nam có mong muốn tham gia vào chuỗi cung ứng và kết nối giao thương để xuất khẩu cho các tập đoàn: Walmart, Central Group, Aeon, Lotte và Mega Market, cụ thể như sau:

Thời gian: Thứ năm, ngày 20/8/2020

Ngành hàng: Nông sản, thủy sản, thực phẩm

Thành phần dự kiến: Đại diện Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố; chuyên gia về tiêu chuẩn hàng hóa và thu mua của các tập đoàn: Walmart, Central Group, Aeon, Lotte và Mega Market và các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

Chương trình:

- 08:30 – 08:55: Phiên toàn thể (Điểm cầu chính tại trụ sở Bộ Công Thương, các điểm cầu tại các Sở Công Thương các tỉnh và các nhà phân phối).

- 09:30 – 10:30: Phiên tập huấn trực tuyến (Doanh nghiệp tham gia 5 phòng tập huấn online của các nhà phân phối diễn ra cùng thời điểm).

- 10:45 – 12.:00: Phiên giao thương B2B trực tuyến (Doanh nghiệp tham gia 5 phòng kết nối B2B của các nhà phân phối diễn ra cùng thời điểm).

Trân trọng kính mời Quý Doanh nghiệp tham dự Hội thảo. Quý Doanh nghiệp chưa đăng ký tham dự vui lòng đăng ký trong thời gian sớm nhất theo mẫu hoặc đăng ký online tại địa chỉ: **<https://bit.ly/goglobalworkshopcantho>**. Thông tin chi tiết về vấn đề kỹ thuật sẽ được Ban tổ chức cập nhật tới Quý Doanh nghiệp.

Thông tin chi tiết đề nghị lên hệ: Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương; Người liên hệ: anh Dương Quang; Điện thoại: (024) 2220.5373; Di động: 0966846604; Email: goglobal.gov.vn@gmail.com

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.